

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2018/HS-ST**

Ngày 08/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Đầu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Kiệt

2/ Ông Nhâm Đức Hùng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Lý Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 39/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2018, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn N; sinh ngày 01/10/1992; HKTT: ấp HT, xã MT, huyện CT, tỉnh KG; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn T; sinh năm 1942 và bà Ung Thị B; sinh năm 1949; Vợ tên Trương Thị Lệ Tr; sinh năm 1994 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được cho tại ngoại để điều tra, cho đến ngày 30/7/2018 bị cáo phạm tội mới và bị bắt tạm giam (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh **Trần R;** sinh năm 1984 (vắng mặt)

Trú tại: ấp PL, xã MT B, huyện CT, KG

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Phạm Hồng S**; sinh năm 1986 (vắng mặt)

Trú tại: Số 465A NTT, khu phố 3, P. VL, TP. RG, tỉnh KG.

Người làm chứng: Anh **Danh Hùng Kh**; sinh năm 1992 (vắng mặt)

Trú tại: ấp PL, xã MT B, huyện CT, KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ, ngày 25/02/2018 Phạm Văn N điều khiển xe mô tô mang BKS 68C1 – 134.31 (do N đứng tên chủ sở hữu) đến tiệm cầm đồ “Trần Gia” trú tại ấp PL, xã MT B, huyện CT, KG do anh Trần R làm chủ để nhận 01 cái máy Laptop hiệu Lenovo của N đã cầm trước đó. Khi đến nơi, N nhìn thấy cửa tiệm khép hờ nên N đẩy cửa đi vào bên trong tiệm, N quan sát thấy không có người trong giữ nhưng trên bàn có 01 cái máy Laptop hiệu ASUS và 01 cục sạc pin đang ghim điện sạc nên N liền lén lút thực hiện hành vi lấy trộm Laptop và cục sạc pin rồi điều khiển xe mô tô mang đến tiệm cầm đồ của anh Phạm Hồng S ở số 465A NTT, khu phố 3, phường VL, thành phố RG, tỉnh KG cầm với giá 3.500.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 12 ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND huyện CT, tỉnh KG thể hiện: 01 Laptop nhãn hiệu ASUS (Core i3) có giá trị là 7.992.000 đồng và 01 cục sạc pin hiệu ASUS có giá trị là 1.360.000 đồng. Tổng giá trị là 9.352.000 đồng.

Sau khi bị mất trộm tài sản, anh Trần R đến Công an xã MT B, huyện CT, trình báo sự việc và cung cấp thẻ nhớ của Camera quay lại hành vi của N đã thực hiện. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, ngày 22 tháng 3 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT, tỉnh KG đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Phạm Văn N về hành vi trộm cắp tài sản.

Đối với anh Phạm Hồng S đã nhận cầm 01 Laptop và 01 cục sạc pin của Phạm Văn N trộm cắp có được thì anh Sang hoàn toàn không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh S là phù hợp.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 Laptop nhãn hiệu ASUS và 01 cục sạc pin hiệu ASUS, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT đã thu hồi trả lại cho bị hại Trần R.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, biển kiểm soát 68C1 – 134.31, số máy 5C6J012608, số khung C6J0DY012594.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 015994, tên chủ xe Phạm Văn N cấp ngày 06 tháng 8 năm 2013 là tài sản của bị cáo đã sử dụng để làm hương tiện thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy cần phải tịch thu sung vào ngân sách nước theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án bị phát hiện, bị cáo Phạm Văn N đã chuộc lại toàn bộ tài sản là 01 Laptop nhãn hiệu ASUS và 01 cục sạc pin hiệu ASUS do mình đã lấy trộm trả lại cho bị hại anh Trần R xong. Hiện bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với Phạm Hồng S đã nhận lại toàn bộ số tiền dùng để cầm 01 Laptop và 01 cục sạc pin do Phạm Văn N mang đến cầm nên hiện tại anh S không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 46/CT- VKS- CT ngày 13/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, KG đã truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo **Phạm Văn N** từ 06 đến 09 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015 và khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015 xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, biển kiểm soát 68C1 – 134.31 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 015994, tên Phạm Văn N cấp ngày 06 tháng 8 năm 2013.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào khoảng 08 giờ, ngày 25/02/2018 Phạm Văn N điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 68C1-134.31 đi đến tiệm cầm đồ “Trần Gia” trú tại ấp PL, xã MT B, huyện CT, KG để chuộc lại máy Laptop mà trước đây N đã đem cầm. Khi đến nơi N nhìn thấy cái Laptop nhãn hiệu ASUS của anh R đang sạc pin trên bàn và trong tiệm không có người trông giữ, N liền lén lút lấy trộm rồi đem Laptop trên đến tiệm cầm đồ của anh Phạm Hồng S, trú tại số 465A NTT cầm được 3.500.000 đồng đem tiêu xài cá nhân. Tổng tài sản mà bị cáo lấy trộm của bị hại có giá trị theo kết quả định giá là 9.352.000 đồng. Đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 thì “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”. Như vậy, việc bị cáo lén lút lấy trộm Laptop và cục sạc pin Laptop của anh R, do tổng các tài sản mà bị cáo lấy trộm có giá trị là 9.352.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” như đã viện dẫn nêu trên.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi bị cáo đã đủ năng lực nhận thức được “Trộm cắp tài sản” là hành vi vi phạm pháp luật. Mặc dù nhận thức được điều đó, thế nhưng với bản chất tham lam lười lao động nên khi vừa đến tiệm cầm đồ “Trần Gia” bị cáo nhìn thấy Laptop của anh R đang sạc pin trên bàn và trong nhà không có ai bị cáo liền nhanh tay lấy cắp, đem cầm lấy tiền tiêu xài cho bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của anh R được pháp luật bảo vệ mà qua đây còn tạo tâm

lý bất an cho người dân trong việc bảo quản giữ gìn tài sản của mình, làm cho họ không an tâm lao động, công tác, sản xuất. Với hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nhận thấy cần có mức án tương xứng để răn đe, giáo dục, đồng thời cũng nhằm phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực khắc phục lại hậu quả cho người bị hại. Do đó, cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là phù hợp.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

5.1 Do tài sản bị mất đã được nhận lại đầy đủ nên người bị hại anh Trần R không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

05.2 Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hồng S không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên HĐXX không xem xét.

[6] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, biển kiểm soát 68C1 – 134.31 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 015994 mang tên Phạm Văn N, cấp ngày 06 tháng 8 năm 2013 đây là phương tiện mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 và Điều 106 BLTTHS năm 2015 cần xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[7] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo **Phạm Văn N 06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 30/7/2018.

Về biện pháp tư pháp áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 và Điều 106 BLTTHS năm 2015 xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, biển kiểm soát 68C1 – 134.31 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 015994 tên Phạm Văn N, cấp ngày 06/8/2013.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, KG đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 26/QĐ-VKS-CT ngày 13/6/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện CT, KG.

Về áp phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Phạm Văn N phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo; người bị hại và NLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Mai Tấn Đầu